

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 06/3/2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hồng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 07/02/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 3, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 2, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày: Do là chỗ quen biết nên vào năm 2022 tôi đã cho chị Nguyễn Thị Thúy N vay tiền hai lần, lần thứ nhất vào ngày 27/9/2022 âm lịch cho vay 60.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, cho vay không có lãi; lần thứ hai vào ngày 15/10/2022 âm lịch cho vay 12.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, cho vay không có lãi. Chị N đã viết và ký vào giấy mượn tiền thể hiện nội dung vay. Hết thời hạn theo thỏa thuận nhưng chị N không chịu trả, do vậy tôi yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả cho tôi số tiền còn nợ là 72.000.000đ.

Tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Vào tháng 4 năm 2022 (tôi không nhớ rõ ngày), tôi có vay của chị Võ Thị L 30.000.000đ, tiền lãi thỏa thuận mỗi ngày trả 300.000đ, tôi đã trả lãi đầy đủ cho chị L. Đến tháng 7/2022 tôi vay tiếp của chị L 30.000.000đ, tổng cộng số tiền nợ là 60.000.000đ, tiền lãi mỗi ngày tôi trả cho chị L là 600.000đ. Mỗi lần vay tôi đều ký vào giấy chị L đã viết sẵn thể hiện nội dung vay tiền. Sau đó đến ngày 27/9/2022 âm lịch chị L yêu cầu tôi phải ký giấy có nội dung tôi có mượn của chị L 60.000.000đ. Hai giấy viết trước đó chị L giữ chứ tôi không biết. Hàng ngày tôi đều trả lãi đầy đủ, nếu không

trả thì chị L đến nhà tôi quậy phá, điện thoại la chửi tôi, đe dọa chồng con tôi, làm đơn khiếu nại đến cơ quan tôi đang làm việc. Đến ngày 15/10/2022 âm lịch tôi tiếp tục vay của chị L 9.000.000đ, thỏa thuận thời hạn vay là 01 tháng, tiền lãi phải trả là 3.000.000đ, mỗi ngày tôi phải trả 400.000đ. Chị L yêu cầu nhập cả gốc và lãi để tôi ký vào giấy mượn tiền có nội dung tôi mượn của chị L 12.000.000đ. Khoản tiền vay này tôi đã trả được 20 ngày với số tiền 8.000.000đ, như vậy số tiền tôi còn nợ chị L là 64.000.000đ. Tuy nhiên do tôi không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình do vậy tôi cũng đồng ý trả cho chị L số tiền 72.000.000đ, nhưng vì điều kiện kinh tế của tôi hiện rất khó khăn nên tôi xin được trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000đ cho đến khi hết số tiền còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 2, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai phải trả tiền còn nợ từ hợp đồng vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Theo hai “Giấy mượn tiền” và lời trình bày của các bên thể hiện nguyên đơn chị L đã cho bị đơn chị N vay tiền hai lần, 27/9/2022 âm lịch, tức là ngày 22/10/2022 cho vay 60.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, cho vay không có lãi; lần thứ hai vào ngày 15/10/2022 âm lịch, tức là ngày 08/11/2022 cho vay 12.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, cho vay không có lãi. Bị đơn cho rằng các bên có thỏa thuận lãi và bị đơn đã trả đủ tiền lãi cho nguyên từ khi vay, số tiền 12.000.000đ theo giấy viết tay ngày 15/10/2022 âm lịch là bao gồm cả gốc 9.000.000đ và tiền lãi 3.000.000đ và bị đơn đã trả được 8.000.000đ. Lời trình bày của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do vậy căn cứ vào các “Giấy mượn tiền” xác định thỏa thuận của các bên là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Đã quá thời hạn trả nợ mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và 470 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về số tiền còn nợ và trách nhiệm trả nợ: Bị đơn cho rằng còn nợ nguyên đơn số tiền 64.000.000đ, nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh số tiền đã trả 8.000.000đ, do vậy căn cứ vào các “Giấy mượn tiền” xác định bị đơn còn nợ và có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 72.000.000đ.

[4] Về thời hạn trả và phương thức trả: Bị đơn yêu cầu được kéo dài thời gian trả nợ. Yêu cầu của bị đơn không được nguyên đơn chấp nhận do vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một lần số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận là 72.000.000đ x 5% = 3.600.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N phải trả cho nguyên đơn chị Võ Thị L số tiền còn nợ từ hợp đồng vay là 72.000.000đ (*bảy mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.600.000đ (*ba triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Chị Võ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.800.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011994 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 06/3/2023.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo